

airplane

飞机 fēi jī

ambulance

救护车 jiù hù
chē

bicycle

自行车 zì
xíng chē

bus

公共汽车 gōng
gòng qì chē

car

小汽车 xiǎo
qì chē

fire truck

消防车 xiāo
fáng chē

police car

警车 jǐng
chē

run

跑步 pǎo bù

school bus

校车 xiào
chē

ship

船 chuán

subway

地铁dì tiě

taxi

出租车chū
zū chē

train

火车huǒ
chē

transportation
vehicle

交通工具jiāo
tōng gōng jù

trolley

电车diàn
chē

walk

走路 zǒu lù
